

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01-10-2018

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Diệu
2. Ông Lê Văn Mãi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Duy Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 06/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27/7/2018 về việc “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp A, xã D, huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Thanh B, sinh năm 1986, địa chỉ: số 2384 Marsh Rabbit LN, Decatur, GA 30035, Hoa Kỳ.

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2018 và bản tự khai đề ngày 04/9/2018 Chị Nguyễn Thị M trình bày:**

Chị M và anh B tự nguyện chung sống và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh Bình Phước và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/01/2015. Sau khi kết hôn Chị M vẫn chung sống với bố mẹ chị ở ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước còn anh B thì vẫn sinh sống ở Mỹ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 9 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu

thuần do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng phát sinh những bất đồng, tranh cãi, không tìm được tiếng nói chung. Từ đó cho đến nay, anh B không trở về Việt Nam và cũng không liên lạc với Chị M khiến mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên Chị M yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị Mai cho rằng chị và anh B không có con chung, không có tài sản và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai đề ngày 14/8/2018 anh Bùi Thanh B trình bày:**

Anh B và Chị Nguyễn Thị M tự nguyện chung sống với nhau và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh Bình Phước vào ngày 30/01/2015. Sau khi kết hôn, Chị M vẫn ở Việt Nam chung sống với bố mẹ, còn anh thì sinh sống tại Hoa Kỳ. Do bất đồng về quan điểm sống và do xa cách về địa lý, không có thời gian để quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên từ tháng 9 năm 2016 đến nay, giữa vợ chồng anh chị phát sinh những bất đồng, tranh cãi, không tìm được tiếng nói chung. Nay, anh B thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh và Chị M không thể hạnh phúc nên Chị M yêu cầu được ly hôn thì anh đồng ý, đề nghị Tòa cho vợ chồng anh được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh không có con chung, không có tài sản chung, không vay nợ của ai và cũng không cho ai vay nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về những vấn đề này.

Anh B đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

-Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Về nội dung tranh chấp: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tiến hành xét xử vắng mặt anh B và chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị M cho Chị M được ly hôn với Anh Bùi Thanh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị M cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Bùi

Thanh B quốc tịch Hoa Kỳ đang định cư tại Hoa Kỳ nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước được quy định tại khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các bên đương sự: Xét thấy, ngày 14/8/2018 anh Bùi Thanh B có đơn xin Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt anh do anh đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ, công việc bận rộn không thể về Việt Nam để tham gia giải quyết vụ án; ngày 04/9/2018 chị M cũng có đơn đề nghị Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt chị. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B và chị M là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời trình bày của chị M, anh B và Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01 do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 30/01/2015 cho chị M, anh B thì Tòa án xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh B là hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân: Cả chị M và anh B đều xác nhận sau khi kết hôn anh chị không chung sống cùng nhau mà chị M thì ở với cha mẹ tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, Việt Nam còn anh B định cư tại Hoa Kỳ, từ tháng 9 năm 2016 đến nay giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. chị M thì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn, anh B cũng xác nhận cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị M không hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa cho anh chị được ly hôn. Xét thấy, việc các bên đương sự đều thừa nhận quan hệ hôn nhân không được hạnh phúc và đều mong muốn được ly hôn thể hiện mâu thuẫn giữa chị M và anh B là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M, cho chị M được ly hôn với anh B là phù hợp.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Cả chị M và anh B đều cho rằng vợ chồng anh chị không có con chung, không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về những vấn đề này.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ số tiền án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), anh B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 227, 228, 147, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, khoản 2 Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị M. Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn Anh Bùi Thanh B.

2. Về con chung, tài sản và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 015104 ngày 26/7/2018 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Phước; anh B không phải chịu án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị M, anh B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKS tỉnh Bình Phước;
- Cục THA DS tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đinh Thị Quý Chi